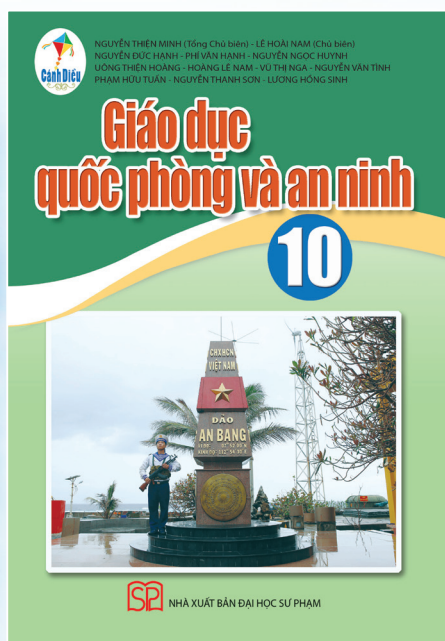




TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10



Mục lục

PHẦN MỘT.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 3

I. Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp THPT 3

II. SGK giáo dục QPAN 10 Cánh Diều..... 6

PHẦN HAI.

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC..... 10

I. Xác định mục tiêu bài học 10

II. 4 loại hoạt động dạy học trong một bài học 13

III. Ví dụ minh họa tổ chức 4 hoạt động của một bài học 14

PHỤ LỤC I.

BIỂU HIỆN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI PHẨM CHẤT CHỦ YẾU, NĂNG LỰC CHUNG VÀ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 36

I. Biểu hiện về phẩm chất chủ yếu của HS THPT 36

II. Biểu hiện về năng lực chung của HS THPT..... 37

III. Biểu hiện về năng lực đặc thù môn giáo dục QPAN của HS THPT 39

PHỤ LỤC II.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH 41

I. Một số phương pháp dạy học 41

II. Một số kỹ thuật dạy học..... 47



PHẦN MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CẤP THPT

1. Nội dung giáo dục

Mạch nội dung môn học được cấu trúc theo 05 chủ đề: một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh: điều lệnh đội ngũ; kỹ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh; một số hiểu biết về phòng thủ dân sự; kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân.

Nội dung của mỗi lớp trong bảng sau:

Chủ đề	Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1. Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh	1. Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	x		
	2. Nội dung cơ bản của một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam	x		
	3. Ma túy, tác hại của ma túy	x		
	4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông	x		
	5. Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	x		
	6. Một số hiểu biết về an ninh mạng	x		
	7. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam		x	



Chủ đề	Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	8. Phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế		x	
	9. Một số vấn đề về vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường		x	
	10. Pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ		x	
	11. Luật Nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh		x	
	12. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975			x
	13. Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam			x
	14. Công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam			x
	15. Một số hiểu biết về chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam			x
	16. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc giữ nước của địa phương			x
2. Điều lệnh đội ngũ	1. Một số nội dung Điều lệnh quản lí bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân	x		
	2. Đội ngũ từng người không có súng	x		
	3. Đội ngũ tiểu đội	x		
3. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh	1. Giới thiệu một số loại súng bộ binh, thuốc nổ, vật cản và vũ khí tự tạo		x	
	2. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn		x	
	3. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK			x
	4. Chạy vũ trang			x
4. Chiến thuật bộ binh	1. Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu	x		
	2. Lợi dụng địa hình, địa vật		x	
	3. Nhìn nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo		x	
	4. Tìm và giữ phương hướng			x
	5. Vận dụng các tư thế, động tác cơ bản khi vận động trong chiến đấu			x
5. Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân	1. Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ	x		
	2. Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	x		
	3. Kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân		x	

2. Định hướng về phương pháp giáo dục

a) Định hướng chung

Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để HS có thể tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết sau khi tốt nghiệp THPT; chú trọng rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức QPAN để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

Vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể. GV có thể phối hợp nhiều phương pháp dạy học trong một chủ đề. Các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS. Tăng cường sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tiên tiến trên cơ sở khai thác những thành tựu về khoa học và công nghệ trong giảng dạy của GV và học tập của HS, đặc biệt là áp dụng cuộc cách mạng công nghệ số đang diễn ra, thông tin và truyền thông nhằm đề cao vai trò chủ thể học tập của HS (thảo luận, đóng vai, thực hành,...). Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện đa dạng và linh hoạt; kết hợp các hình thức học cá nhân và học nhóm, học trong lớp và học ở ngoài lớp học.

GV và HS trong quá trình dạy học môn Giáo dục QPAN cần có kỹ năng khai thác và tham khảo những kiến thức về quốc phòng, an ninh trong nước và trên thế giới thông qua hệ thống các cổng thông tin điện tử chính thức được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép phát hành trên mạng nhằm củng cố và cập nhật kịp thời những kiến thức mới.

b) Vận dụng các phương pháp giáo dục

Khi dạy các bài học lý thuyết, GV cần sử dụng phương pháp nêu vấn đề, tạo tình huống có vấn đề, giúp học sinh chủ động trong vận dụng những hiểu biết về kiến thức phổ thông trong các môn học, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới, phát huy tinh thần ham học, độc lập sáng tạo trong học tập, nghiên cứu.

Khi dạy các bài thực hành, GV cần vận dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với làm động tác mẫu trên vũ khí, trang bị và các giáo cụ trực quan, công nghệ và phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy, đặc biệt là công nghệ mô phỏng, phim, video,...; tổ chức luyện tập khoa học tạo điều kiện cho HS quan sát và thực hành chính xác, hiệu quả; đặc biệt phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người học và người dạy.



Cần tận dụng tối đa các phương tiện dạy học hiện đại, công nghệ số ứng dụng trong giảng dạy và hướng dẫn thực hành.

Cần coi trọng tổ chức hội thi, hội thao giáo dục QPAN, hoạt động trải nghiệm sáng tạo phù hợp với yêu cầu giáo dục và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương, lấy đây là một phương pháp giáo dục đặc thù của môn học.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

Đánh giá kết quả môn học được thực hiện theo quy định tại Quy chế đánh giá xếp loại HS THCS và THPT của Bộ GDĐT.

- Cần đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển CT.
- Cần kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS; kết hợp kiểm tra miệng, kiểm tra viết, thực hành, dự án nghiên cứu; kết hợp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận.
 - + Đánh giá thường xuyên: Bao gồm đánh giá chính thức (thông qua các hoạt động nắm kiến thức trên lớp, thực hành tập luyện, trình diễn, hội thao...) và đánh giá không chính thức (bao gồm quan sát trên lớp, kiểm tra bài cũ, đối thoại, HS tự đánh giá,...) nhằm thu thập những thông tin về quá trình hình thành phát triển phẩm chất và năng lực của từng HS.
 - + Đánh giá định kì: Được tổ chức ở cuối học kì và cuối năm học bằng hình thức kiểm tra trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc thực hành; nội dung đánh giá chú trọng đến nhận thức, kĩ năng thực hành; phối hợp với đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin để phân loại HS và điều chỉnh nội dung, phương pháp giáo dục.

II. SGK GIÁO DỤC QPAN 10 CÁNH DIỀU

1. Quan điểm biên soạn

a) Tiếp cận mục tiêu CT Giáo dục phổ thông môn Giáo dục QPAN cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số: 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (sau đây gọi tắt là CT Giáo dục QPAN 2020), cụ thể:

- Góp phần phát triển ở HS các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm; giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tinh thần nhân văn, ý thức trách nhiệm của công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Góp phần phát triển ở HS các năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và các năng lực chuyên biệt (năng lực nhận thức về các vấn đề quốc phòng, an ninh; năng lực vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống).

b) Tiếp cận yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung quy định tại CT *Giáo dục phổ thông* 2018, đồng thời tiếp cận yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học quy định tại CT *Giáo dục QPAN* 2020.

c) Tiếp cận nội dung dạy học, thời lượng (lí thuyết, thực hành) và yêu cầu cần đạt quy định ở lớp 10, 11, 12 tại CT *Giáo dục QPAN* 2020.

d) Tiếp cận định hướng chung về phương pháp giáo dục và vận dụng các phương pháp giáo dục quy định tại CT *Giáo dục QPAN* 2020, trong đó đặc biệt chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức quốc phòng và an ninh để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

e) Tiếp cận định hướng về đánh giá kết quả giáo dục quy định tại CT *Giáo dục QPAN* 2020: Cần đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với yêu cầu cần đạt nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của HS, đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và phục vụ việc phát triển CT *Giáo dục QPAN* 2020.

g) Tiếp cận tiêu chuẩn SGK quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Cấu trúc SGK

a) Phần đầu của sách có *Hướng dẫn sử dụng sách* giúp học sinh, giáo viên hiểu ý nghĩa các logo, icon trong sách; *Mục lục* giúp người sử dụng xác định được một cách khái quát toàn bộ nội dung cuốn sách và thuận tiện tra cứu.

b) Phần thân của sách gồm 3 chủ đề với 12 bài học

Chủ đề 1. Một số hiểu biết chung về QPAN

- Bài 1. Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam



- Bài 2. Nội dung cơ bản một số luật về QPAN Việt Nam
- Bài 3. Ma túy, tác hại của ma túy
- Bài 4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông
- Bài 5. Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội
- Bài 6. Một số hiểu biết về an ninh mạng

Chủ đề 2. Điều lệnh đội ngũ và chiến thuật bộ binh

- Bài 7. Một số nội dung Điều lệnh quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân
- Bài 8. Đội ngũ từng người không có súng
- Bài 9. Đội ngũ tiểu đội
- Bài 10. Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu

Chủ đề 3. Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự

- Bài 11. Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ
- Bài 12. Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương

Ở một số nội dung của một số bài có mục *Em có biết* cung cấp thông tin mở rộng cho HS.

c) Phần cuối của sách có *Bảng giải thích một số thuật ngữ* nhằm giải thích một số thuật ngữ chưa được giải thích trong sách, góp phần phát triển ở học sinh kỹ năng tra cứu, hình thành và phát triển năng lực tự học.

3. Những điểm mới

a) Xác định nội dung dạy học theo hướng tinh giản, thiết thực, hiện đại, góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực cho HS.

b) Bài học trong SGK được thiết kế theo mô hình hoạt động. Mỗi bài học gồm 4 loại hoạt động của HS theo quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ GDĐT: Khởi động (Mở đầu); Hình thành kiến thức (Khám phá); Luyện tập; Vận dụng.

c) SGK tạo điều kiện cho GV vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức dạy học nhằm phát triển phẩm chất và năng lực HS.

Các nội dung dạy học không thiết kế theo từng tiết mà được thiết kế tổng số tiết để đạt được sự trọn vẹn từng nội dung của chủ đề. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho GV và HS trong quá trình dạy học có thể vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với trình độ của HS từng lớp, từng trường và từng địa phương. Sách thiết kế đa dạng hoạt động học tập nhằm tạo cơ hội và khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; chú ý hình thành kỹ năng, dẫn gợi mở và kích thích tư duy sáng tạo của HS. Sách không áp đặt cách dạy cứng nhắc mà gợi ý để GV linh hoạt trong tổ chức dạy học. Trong mỗi chủ đề dạy học có nhiều hoạt động thực hành, tạo điều kiện cho HS rèn luyện kỹ năng và vận dụng kiến thức đã học về quốc phòng và an ninh vào thực tiễn cuộc sống.

Ở mỗi bài học có nhiều dạng câu hỏi, bài tập vận dụng, xử lý tình huống,... giúp đánh giá yêu cầu cần đạt của bài học và từ đó góp phần cho quá trình tự đánh giá của HS, đánh giá giữa HS với nhau, đồng thời giúp GV đánh giá phẩm chất và năng lực của HS.

d) SGK được thiết kế, minh họa tạo thuận lợi và hấp dẫn cho người sử dụng.

Ngôn ngữ sử dụng trong SGK trong sáng, thân thiện tạo hưng phấn cho HS tìm hiểu, khám phá bài học. Nội dung sách được trình bày rõ ràng, khoa học; font chữ và kiểu chữ đơn giản, phổ biến, phân biệt rõ giữa nội dung chính và thông tin hỗ trợ; kênh hình phong phú, đa dạng và phù hợp với kênh chữ.

Khổ sách, trang sách được thiết kế hợp lý; sách in 4 màu và sử dụng nhiều hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ,... nhằm hỗ trợ GV, HS dạy học những nội dung khó, trừu tượng.

e) Công nghệ thông tin được ứng dụng và thiết kế gắn liền với nội dung trang SGK (phiên bản điện tử) nhằm giảm bớt lao động sư phạm của GV.

g) Cùng với SGK còn có SGV và SBT được thiết kế đồng bộ với SGK nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người sử dụng.



PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC

I. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Yêu cầu cần đạt đối với HS

Tuân thủ CT và SGK Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 Cánh Diều

2. Phát triển phẩm chất và năng lực HS thông qua bài học

Căn cứ Phụ lục 1 (Biểu hiện của HS THPT đối với phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù môn Giáo dục quốc phòng và an ninh), đặc điểm HS ở địa phương và điều kiện dạy học của nhà trường để xác định các phẩm chất, năng lực được tạo cơ hội phát triển thông qua bài học.

GV có thể tham khảo gợi ý sau về các phẩm chất, năng lực của HS được tạo cơ hội phát triển qua mỗi bài học. Ví dụ:

Bài 1: Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Năng lực: Phân tích, phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống; biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề.

Bài 2: Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Năng lực: Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.

Bài 3: Ma túy, tác hại của ma túy

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động.
- Năng lực: Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật; thực hiện được pháp luật về phòng, chống ma túy.

Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Nhận thức và hành động theo lẽ phải; tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Năng lực: Thực hiện được pháp luật về trật tự an toàn giao thông; phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

Bài 5: Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.



- Năng lực: Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.

Bài 6: Một số hiểu biết về an ninh mạng

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Yêu nước, đấu tranh với những âm mưu xâm phạm an ninh quốc gia trên không gian mạng.
- Năng lực: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

Bài 7: Một số nội dung Điều lệnh quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
- Năng lực: Có những kĩ năng cơ bản về điều lệnh đội ngũ; kĩ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật bộ binh.

Bài 8: Đội ngũ từng người không có súng

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập; tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Năng lực: Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.

Bài 9: Đội ngũ tiểu đội

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.
- Năng lực: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

Bài 10: Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Năng lực: Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.

Bài 11: Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.
- Năng lực: Thực hiện được một số kĩ năng phòng, chống bom, mìn, vũ khí hoá học, sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ...

Bài 12: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Năng lực: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

II. 4 LOẠI HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TRONG MỘT BÀI HỌC**1. Khởi động (Mở đầu)**

a) Mục tiêu: Gợi mở và tạo hứng thú cho HS tìm hiểu, khám phá nội dung bài học

b) Định hướng chung về cách thức tiến hành: Tổ chức cho HS thực hiện một số hoạt động hoặc chia sẻ những điều đã trải nghiệm liên quan đến bài học để chuẩn bị cho bài học.

2. Hình thành kiến thức (Khám phá)

a) Mục tiêu: Hình thành kiến thức cho HS



b) Định hướng chung về cách thức tiến hành: Đặt HS trước yêu cầu xử lý tình huống (tình huống mới hoặc tình huống đã gặp nhưng có nhiệm vụ mới) để giúp các HS có những hiểu biết và kinh nghiệm mới.

3. Luyện tập

a) Mục tiêu: Giúp HS rèn luyện các kiến thức, kỹ năng đã học.

b) Định hướng chung về cách thức tiến hành: Đặt HS vào những tình huống và nhiệm vụ tương tự tình huống, nhiệm vụ mới học để giúp các em củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực hành.

4. Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS vận dụng được những điều đã học vào cuộc sống.

b) Định hướng chung về cách thức tiến hành: Đặt HS vào những tình huống có thực trong đời sống để HS nhận thức, phát hiện và giải quyết vấn đề.

III. VÍ DỤ MINH HOẠ TỔ CHỨC 4 HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT BÀI HỌC

Ví dụ 1: Bài 1: Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

MỤC TIÊU

HS cần đạt các yêu cầu sau:

- Nêu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ;
- Từ những truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua mỗi giai đoạn.

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
- Năng lực: Phân tích, phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống; biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề.

DỰ KIẾN PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG

- Tiết 1: Khởi động bài học; các hoạt động khám phá mục I và mục II/1.

- Tiết 2: Các hoạt động khám phá mục II/2 và mục III; luyện tập, vận dụng cả bài.

GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 1.1. Khởi động bài học

Mục tiêu: Gợi mở và tạo hứng thú cho HS tìm hiểu, khám phá nội dung bài học.

*Cách thức tiến hành*¹:

- GV nêu tình huống khởi động bài học (trang 5 SGK).
- GV cho HS cả lớp thực hiện nhiệm vụ nêu tại Phiếu học tập 1.1.
- Một số HS đứng tại chỗ báo cáo kết quả.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và nêu đáp án: Bố bạn Kiên và chị gái bạn Hà thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam. Mẹ bạn Hà thuộc Công an nhân dân Việt Nam. Anh trai bạn Kiên thuộc Dân quân tự vệ.
- GV gợi mở nội dung bài học².

Lớp.....

Nhóm.....

PHIẾU HỌC TẬP 1.1

Đọc thông tin tình huống khởi động (trang 5 SGK), tìm hiểu các thuật ngữ: cửa khẩu, dân quân tự vệ, hải quan, vệ sĩ trong *Bảng giải thích một số thuật ngữ* (trang 86, 87 SGK) và đánh dấu X vào ô thích hợp trong bảng sau:

Đối tượng	Quân đội nhân dân Việt Nam	Công an nhân dân Việt Nam	Dân quân tự vệ
Bố bạn Kiên			
Anh trai bạn Kiên			
Mẹ bạn Hà			
Chị gái bạn Hà			

1. Vận dụng các KTDH: “Đọc tích cực”, “Tia chớp”.

2. Ví dụ: “Các em đã xác định được thành viên gia đình bạn Kiên, bạn Hà thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam, Dân quân tự vệ. Bài học hôm nay sẽ tìm hiểu lịch sử, truyền thống của các lực lượng này”.



I. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Hoạt động 1.2. Tìm hiểu lịch sử hình thành, phát triển Quân đội nhân dân Việt Nam

Mục tiêu: Hình thành cho HS kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam qua các giai đoạn.

Cách thức tiến hành³:

1.2a. Thực hiện nhiệm vụ nêu tại Phiếu học tập 1.2

- GV nêu câu hỏi khám phá mục I/1 (trang 5 SGK).
- GV chia lớp thành một số nhóm và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 1.2).
- HS đọc tích cực, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, kết luận trên cơ sở SGK và thông tin bổ sung sau:
 - + Hình 1.1a gắn với sự kiện thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ngày 22/12/1944 tại khu rừng giữa tổng Hoàng Hoa Thám và tổng Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm Nà Sang, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng).
 - + Hình 1.1b gắn với thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ, trực tiếp đưa đến việc kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Đông Dương; tạo cơ sở và điều kiện để nhân dân ta tiếp tục giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.
 - + Hình 1.1c gắn với sự kiện xe tăng của Lữ đoàn tăng-thiết giáp 203, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2 tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975.

Lớp.....

Nhóm.....

PHIẾU HỌC TẬP 1.2

Đọc thông tin mục I/1 (trang 6 SGK) và hoàn thành bảng sau:

Giai đoạn	Hoạt động chính	Hình ảnh trong SGK
1930-1945		
1945-1954		
1954-1975		
Từ năm 1975 đến nay		

3. Vận dụng PPDH “Hợp tác” kết hợp với KTDH “Đọc tích cực”.

1.2b. (Luyện tập) Làm bài tập Câu 1.16ab SBT

- GV nêu nội dung Câu 1.16ab SBT.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời nhanh, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 1.3. Tìm hiểu bản chất, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam và nghệ thuật quân sự

Mục tiêu: Hình thành cho HS kiến thức về bản chất và truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam; nét cơ bản của nghệ thuật quân sự.

*Cách thức tiến hành*⁴:

- GV nêu câu hỏi khám phá mục I/2 (trang 6 SGK) và mục I/3 (trang 7 SGK) và nêu một số câu hỏi (Ví dụ: Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất giai cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào? Từ khóa nói về truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam, các nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam?...)
- HS đọc thông tin mục I/2, mục I/3 SGK.
- Một số HS trả lời; một số HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, kết luận.

II. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM**Hoạt động 1.4. Tìm hiểu lịch sử hình thành, phát triển Công an nhân dân Việt Nam**

Mục tiêu: Hình thành cho HS kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển Công an nhân dân Việt Nam qua các giai đoạn.

*Cách thức tiến hành*⁵:

- GV nêu câu hỏi khám phá mục II/1 (trang 7 SGK).
- GV chia HS cả lớp thành từng cặp và giao nhiệm vụ (Phiếu học tập 1.3).
- Từng cặp HS đọc thông tin mục II/2 SGK, lập lược đồ tư duy ở giấy nháp và hoàn thành Phiếu học tập 1.3.
- Đại diện một số cặp HS trình bày kết quả; một số HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, kết luận.

4. Vận dụng các KTDH: “Đặt câu hỏi”, “Đọc tích cực”.

5. Vận dụng các KTDH: “Động não viết”, “Lược đồ tư duy”.

Lớp.....

Nhóm.....

PHIẾU HỌC TẬP 1.3

Em hãy đọc thông tin mục II/1(trang 7, 8 SGK) và trả lời các câu hỏi sau:

1. Trước khi Công an nhân dân Việt Nam ra đời, các tổ chức nào sau đây được thành lập?

A. Đội Danh dự trừ gian	B. Đội Trinh sát	C. Ban Công tác đội	D. Đội Tự vệ công nông
E. Đội Tự vệ đồ	G. Đội Tự vệ cứu quốc	H. Đội Hộ lương diệt ác	I. Nha Công an Trung ương

2. Tên gọi và hoạt động chính của Công an nhân dân Việt Nam qua mỗi giai đoạn?

Giai đoạn	Tên gọi	Hoạt động chính	Hình ảnh trong SGK
1930-1945			
1945-1954			
1954-1975			
Từ năm 1975 đến nay			

Hoạt động 1.5. Tìm hiểu bản chất và truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam

Mục tiêu: Hình thành cho HS kiến thức về bản chất và truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam.

Cách thức tiến hành⁶:

- GV nêu câu hỏi khám phá mục II/2 (trang 9 SGK).
- GV chuẩn bị Bảng phụ 1.1.
- HS tự đọc thông tin mục II/2 (trang 9 SGK).
- GV đặt câu hỏi theo Bảng phụ 1.1, HS đứng tại chỗ trả lời.
- GV nhận xét, kết luận.

BẢNG PHỤ 1.1

1. Công an nhân dân Việt Nam mang bản chất của:

- A. giai cấp công nhân.
- B. giai cấp nông dân.
- C. tầng lớp trí thức.

2. Hãy nêu tên và tóm tắt nội dung của 8 nhánh nối với chủ đề trung tâm trong lược đồ tư duy dưới đây



6. Vận dụng các KTDH: “Đặt câu hỏi”, “Lược đồ tư duy”.

III. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

Hoạt động 1.6. Tìm hiểu lịch sử hình thành, phát triển và truyền thống của Dân quân tự vệ

Mục tiêu: Hình thành cho HS kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển và truyền thống của Dân quân tự vệ.

Cách thức tiến hành:

1.6a. Khám phá: Thực hiện nhiệm vụ nêu ở Phiếu học tập 1.4⁷.

- GV nêu câu hỏi khám phá mục III/1 (trang 9 SGK) và mục III/2 (trang 11 SGK).
- GV chia HS cả lớp thành một số nhóm (theo KTDH “XYZ”) và giao nhiệm vụ (Phiếu học tập 1.4).
- Mỗi nhóm tìm hiểu thông tin trang 9, 10, 11 SGK và thực hiện kĩ thuật XYZ.
- Đại diện nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và kết luận.

Lớp.....			Nhóm.....
PHIẾU HỌC TẬP 1.4			
Hãy đọc thông tin mục III (trang 9, 10, 11 SGK) và hoàn thành các bài tập sau:			
1. Ngày truyền thống của lực lượng Dân quân tự vệ là ngày nào? A. Ngày 19-12 hằng năm; B. Ngày 28-3 hằng năm; C. Ngày 22-12 hằng năm	2. Vẽ lược đồ tư duy với chủ đề trung tâm sau: Các hoạt động chính của Dân quân tự vệ qua các giai đoạn	3. Vẽ lược đồ tư duy với chủ đề trung tâm sau: Truyền thống của Dân quân tự vệ	

1.6b. Luyện tập và vận dụng: Em có suy nghĩ gì về hai bức ảnh trong hình 1.7 SGK?

- GV nêu câu hỏi.
- Một số HS đứng tại chỗ nói nhanh suy nghĩ của mình.

7. Vận dụng các KTDH: “XYZ”, “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”.



- GV nhận xét, đánh giá các ý kiến của HS trên cơ sở SGK và tham khảo thông tin sau:

Bức ảnh “O du kích nhỏ” do nhà báo Phan Thoan chụp vào thời điểm chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam của đế quốc Mỹ đang vào giai đoạn cao trào và dữ dội nhất. Nhà thơ Tố Hữu đã đề tặng bức ảnh 4 câu thơ: “O du kích nhỏ giương cao súng/ Thằng Mỹ lênh khênh bước cúi đầu/ Ra thế! To gan hơn bèo bọt/ Anh hùng đâu cú phải mày râu!”. Bức ảnh đã trở thành nguồn động viên, khích lệ cán bộ, chiến sĩ và đồng bào cả nước, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. 30 năm sau, hai nhân vật trong bức ảnh đã có dịp gặp lại nhau khi hãng truyền hình NHK (Nhật Bản) phối hợp với Xưởng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương của Việt Nam sản xuất bộ phim “Cuộc hội ngộ sau 30 năm”. Cuộc hội ngộ này không có khoảng cách, ranh giới giữa hai chiến tuyến. Hai người xúc động chia sẻ nhiều chuyện thăng trầm trong suốt thời gian 30 năm qua và cùng về thăm lại hang đá ngày xưa, nơi viên phi công ẩn nấp trước khi bị bắt làm tù binh. Lúc chia tay, bà Nguyễn Thị Kim Lai đã tặng cho người vợ của Robinson một chiếc nón lá để làm kỷ niệm⁸.

Hoạt động 1.7. Luyện tập cả bài

Mục tiêu: Rèn luyện cho HS kiến thức, kỹ năng đã học của bài học.

Cách thức tiến hành:

1.7a. Câu hỏi 1 mục luyện tập (trang 11 SGK)⁹.

- GV nêu câu hỏi.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời.
- GV nhận xét, đánh giá các ý kiến của HS trên cơ sở SGK và thông tin bổ sung sau:

1.7b. Làm bài tập: Câu 1.5, Câu 1.6 SBT

- GV nêu câu hỏi.
- HS đứng tại chỗ trả lời nhanh, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét, đánh giá các ý kiến của HS.

8. Nguồn: Báo điện tử <https://vnexpress.net>, ngày 30/4/2018.

9. Vận dụng KTDH “Tia chớp”.

Hoạt động 1.8. Vận dụng cả bài

Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

Cách thức tiến hành¹⁰:

- GV nêu câu hỏi vận dụng cả bài (trang 11 SGK).
- GV chuẩn bị Bảng phụ 1.2.
- GV chia lớp thành một số nhóm; hướng dẫn chọn chủ đề, tên dự án; xác định mục tiêu, sản phẩm đầu ra của dự án; lập kế hoạch thực hiện, trình bày sản phẩm đầu ra của dự án.
- GV theo dõi quá trình thực hiện dự án; nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện dự án.

BẢNG PHỤ 1.2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN ¹¹
Tên nhóm:
1. Sản phẩm dự án:
2. Thời gian thực hiện:
3. Các bước tiến hành:
4. Phân công thực hiện
– Nhiệm vụ của nhóm trưởng:.....
– Nhiệm vụ của thư kí:.....
– Nhiệm vụ của các thành viên khác:

Ví dụ 2: Bài 4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông

MỤC TIÊU

HS cần đạt các yêu cầu sau:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông;
- Tự giác tuân thủ quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông và tham gia giao thông an toàn, biết tuyên truyền, vận động mọi người chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

10. Vận dụng PPDH “Dự án”.



Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Năng lực: Thực hiện được pháp luật về trật tự an toàn giao thông, phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống

DỰ KIẾN PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG

- Tiết 1: Khởi động bài học; các hoạt động khám phá, luyện tập mục I/1, 2;
- Tiết 2: Các hoạt động khám phá, luyện tập mục I/3,4 và mục II; vận dụng cả bài.

GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 4.1. Khởi động bài học

Mục tiêu: Gợi mở và tạo hứng thú cho HS tìm hiểu, khám phá nội dung bài học.

Cách thức tiến hành¹¹:

- GV nêu tình huống khởi động bài học (trang 24 SGK).
- Một số HS đứng tại chỗ lần lượt nói nhanh ý kiến nhận xét, không phân biệt đúng, sai.
- GV ghi lên bảng ý kiến của tất cả HS, sau đó nhận xét, nêu đáp án:
 - + Hình 4.1a: Chở ba người, không đội mũ bảo hiểm, dùng ô khi tham gia giao thông bằng xe máy
 - + Hình 4.1b: Dàn hàng ngang khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện
 - + Hình 4.1c: Đi, đứng, ngồi và sinh hoạt trên đường sắt
 - + Hình 4.1d: Không mặc áo phao khi đi đò trên sông
- GV gợi mở, tạo tâm thế cho HS tìm hiểu, khám phá nội dung bài học¹².

11. Vận dụng KTDH “Tia chớp”.

12. Ví dụ: “Một số hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông nêu ở SGK vẫn xảy ra trong cuộc sống. Bài học hôm nay sẽ góp phần giúp các em phòng, chống những hành vi này”.

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

Hoạt động 4.2. Tìm hiểu khái niệm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông

Mục tiêu: Hình thành khái niệm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

Cách thức tiến hành¹³:

- GV nêu câu hỏi khám phá mục I/1 (trang 24 SGK).
- Một số HS đứng tại chỗ lần lượt trình bày nhanh ý kiến của mình, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét và nêu câu hỏi: Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là gì?
- 1 HS đọc khái niệm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông (mục I/1, trang 24 SGK).

Hoạt động 4.3. Tìm hiểu một số quy định chung đối với người tham gia giao thông đường bộ.

Mục tiêu: HS hiểu rõ một số quy định chung đối với người tham gia giao thông đường bộ.

Cách thức tiến hành:

4.3a. Thực hiện nhiệm vụ theo Phiếu học tập 4.1¹⁴

- GV chia lớp thành một số nhóm và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 4.1).
- HS đọc tích cực, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, kết luận.

13. Vận dụng các KTDH: “Tia chớp”, “Đặt câu hỏi”.

14. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”



Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 4.1

Em hãy đọc thông tin mục I/2 a, b, c, d (trang 25, 26 SGK) và hoàn thành sơ đồ tư duy quy định chung đối với người tham gia giao thông đường bộ, trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Người tham gia giao thông đường bộ
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm:
 - + Hành vi bị nghiêm cấm
 - + Quy tắc chung
 - + Chấp hành báo hiệu
 - + Vượt xe và rẽ
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS ghi tên và nội dung tóm tắt từng nhánh phụ*).

4.3b. Làm bài tập: Câu 4.2, Câu 4.3 và Câu 4.6 SBT¹⁵.

- GV nêu từng câu hỏi.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời.
- GV nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 4.4. Tìm hiểu quy định đối với người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp và người đi bộ khi tham gia giao thông đường bộ.

Mục tiêu: HS hiểu rõ quy định đối với người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp (sau đây gọi chung là xe mô tô) và người đi bộ khi tham gia giao thông đường bộ.

*Cách thức tiến hành*¹⁶:

4.4a. Thực hiện nhiệm vụ theo Phiếu học tập 4.2

- GV chia lớp thành một số nhóm và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 4.2).
- HS đọc tích cực, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và kết luận.

15. Vận dụng KTDH: “Tia chớp”.

16. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”

Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 4.2

Em hãy đọc thông tin mục 1/2 e, g (trang 26 SGK) và hoàn thành sơ đồ tư duy đối với người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp và người đi bộ khi tham gia giao thông đường bộ, trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô và người đi bộ
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm:
 - + Người điều khiển xe mô tô
 - + Người ngồi trên xe mô tô
 - + Người đi bộ
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS ghi tên và nội dung tóm tắt từng nhánh phụ*).

4.4b. (Luyện tập) Câu 4.9, Câu 4.10, Câu 4.11, Câu 4.12 SBT.

- GV nêu từng câu hỏi.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời.
- GV nhận xét, đánh giá.

4.4c. (Luyện tập) Xử lý tình huống nêu ở trang 26 SGK¹⁷.

- GV nêu tình huống.
- Một số HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời nhanh, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét, đánh giá.

4.4d. (Luyện tập) Xử lý tình huống nêu ở ý 1, trang 29 SGK¹⁸.

- GV nêu tình huống.
- Một số HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời nhanh, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 4.5. Tìm hiểu một số quy định về trật tự, an toàn giao thông đường sắt

Mục tiêu: HS hiểu rõ quy định về một số hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động giao thông đường sắt.

17. Vận dụng KTDH “Tia chớp”.

18. Vận dụng KTDH “Tia chớp”.



Cách thức tiến hành:

4.5a. Thực hiện nhiệm vụ theo Phiếu học tập 4.3¹⁹

- GV cho lớp làm việc nhóm đôi và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 4.3).
- HS đọc tích cực, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và kết luận.

Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 4.3

Em hãy đọc thông tin mục I/3 (trang 27 SGK) và hoàn thành sơ đồ tư duy một số hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt, trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Hành vi bị nghiêm cấm
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm (*HS đặt tên*)
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS đặt tên và ghi tóm tắt nội dung từng nhánh phụ*).

4.5b. Làm bài tập: Câu 4.21, Câu 4.22 và Câu 4.23 SBT²⁰.

- GV nêu từng câu hỏi.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời.
- GV nhận xét, đánh giá.

4.5c. Phân tích những hành vi vi phạm Luật Đường sắt trong tình huống nêu tại trang 27 SGK²¹.

- GV nêu tình huống.
- Một số HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời nhanh, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và đánh giá.

Hoạt động 4.6. Tìm hiểu một số quy định về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa

Mục tiêu: HS hiểu rõ một số quy định về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

19. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”.

20. Vận dụng KTDH “Tia chớp”.

21. Vận dụng PPDH “Tình huống” và KTDH “Tia chớp”.

*Cách thức tiến hành*²²:

4.6a. Thực hiện nhiệm vụ theo Phiếu học tập 4.4

- GV cho lớp làm việc nhóm đôi và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 4.4).
- HS đọc tích cực, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, kết luận.

Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 4.4

Em hãy đọc thông tin mục I/4 (trang 27, 28 SGK) và hoàn thành sơ đồ tư duy về trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) và hành khách đi trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông, trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Một số quy định khi tham gia giao thông đường thủy nội địa
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm (*HS đặt tên*)
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS đặt tên và ghi tóm tắt nội dung từng nhánh phụ*).

4.6b. Xử lý tình huống nêu tại trang 28 SGK²³.

- GV nêu tình huống.
- Một số HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và đánh giá.

II. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

Hoạt động 4.7. Tìm hiểu một số khái niệm và trách nhiệm của HS trong phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông

Mục tiêu: Hình thành cho HS các khái niệm: vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; HS hiểu rõ trách nhiệm của mình trong phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

*Cách thức tiến hành*²⁴:

4.7a. Thực hiện nhiệm vụ theo Phiếu học tập 4.5.

22. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”.

23. Vận dụng KTDH “Tia chớp”.

24. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”.



- GV cho lớp làm việc nhóm đôi và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 4.5).
- HS đọc thông tin SGK, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và kết luận.

Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 4.5

Em hãy đọc thông tin mục II (trang 28, 29 SGK) và hoàn thành sơ đồ tư duy về phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm:
 - + Vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là gì?
 - + Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là gì?
 - + Trách nhiệm của HS
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS ghi tên và nội dung tóm tắt từng nhánh phụ*).

4.7b. Làm bài tập (nêu tại ý 2 mục luyện tập, trang 29 SGK).

- GV nêu câu hỏi.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời.
- GV nhận xét, nêu đáp án:
 - + Hình 4.2a: Đi thuyền máy trên sông không mặc áo phao.
 - + Hình 4.2b: Chở quá số người quy định, không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe mô tô 2 bánh.
 - + Hình 4.2c: Hoạt động trong khu vực đường sắt.
 - + Hình 4.2d: Các phương tiện giao thông đi sai làn đường quy định.
 - + Hình 4.2e: Người đi bộ qua đường không ở vị trí quy định.
 - + Hình 4.2g: Xe mô tô 2 bánh đi vào làn đường có biển cấm xe mô tô lưu thông.

Hoạt động 4.8. Vận dụng cả bài

Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào thực tiễn.

Cách thức tiến hành²⁵:

- GV nêu bài tập vận dụng (trang 29 SGK).
- GV tổ chức cho HS chọn một trong hai nội dung trong bài tập.
- HS thực hiện nhiệm vụ (ngoài thời gian học trên lớp).
- Một số HS trình bày kết quả; một số HS khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và đánh giá.

Ví dụ 3: Bài 6. Một số hiểu biết về an ninh mạng**MỤC TIÊU**

HS cần đạt các yêu cầu sau:

- Nêu được một số khái niệm cơ bản về mạng, an ninh mạng; bảo mật thông tin cá nhân trên môi trường không gian mạng; nội dung cơ bản của Luật An ninh mạng;
- Bảo mật được thông tin cá nhân, cảnh giác trước những thủ đoạn xâm nhập, phát tán mã độc, thông tin giả trên mạng.

Góp phần phát triển cho HS:

- Phẩm chất: Yêu nước, đấu tranh với những âm mưu xâm phạm an ninh quốc gia trên không gian mạng.
- Năng lực: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

DỰ KIẾN PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG

- Tiết 1: Khởi động bài học; các hoạt động khám phá, luyện tập mục I và mục II/1,2.
- Tiết 2: Các hoạt động khám phá, luyện tập mục II/3 và mục III; vận dụng cả bài.

25. Vận dụng PPDH “Dự án”.



GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 6.1. Khởi động bài học

Mục tiêu: Gợi mở và tạo hứng thú cho HS tìm hiểu, khám phá nội dung bài học.

Cách thức tiến hành²⁶:

- GV nêu tình huống khởi động bài học (trang 35 SGK).
- Một số HS đứng tại chỗ lần lượt nói nhanh ý kiến nhận xét, không phân biệt đúng, sai.
- GV ghi lên bảng ý kiến của tất cả HS và phân loại.
- GV gợi mở nội dung bài học²⁷.

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MẠNG, AN NINH MẠNG

Hoạt động 6.2. Tìm hiểu một số khái niệm về mạng, không gian mạng.

Mục tiêu: Hình thành cho HS các khái niệm: mạng, không gian mạng, an ninh mạng.

Cách thức tiến hành²⁸:

6.1a. Thực hiện nhiệm vụ nêu tại Phiếu học tập 6.1

- GV nêu câu hỏi khám phá một số khái niệm (trang 30, 31 SGK).
- GV tổ chức lớp thảo luận nhóm đôi và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 6.1).
- HS đọc, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và kết luận trên cơ sở SGK và thông tin bổ sung sau: Phát biểu của bạn An: “Mạng là hệ thống các máy tính được kết nối qua đường truyền tin để có thể trao đổi và dùng chung chương trình dữ liệu”. Đúng một phần; “An ninh mạng là bảo đảm cho mạng luôn trật tự, an toàn, không rối loạn”: Không đúng.

26. Vận dụng KTDH “Tia chớp”.

27. Ví dụ: “Có ý kiến khác nhau về trò đùa của bạn Kiên. Thực tế, vẫn có không ít HS có hành động tương tự như bạn Kiên do thiếu hiểu biết về an ninh mạng. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về mạng, an ninh mạng để vận dụng vào cuộc sống và học tập”.

28. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Độc tích cực”, “Lược đồ tư duy”.

Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 6.1

Em hãy đọc thông tin mục I (trang 35, 36 SGK) và hoàn thành sơ đồ tư duy các khái niệm: mạng, không gian mạng, an ninh mạng; trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Một số khái niệm
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm:
 - + Mạng
 - + Không gian mạng
 - + An ninh mạng
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS ghi tên và nội dung tóm tắt từng nhánh phụ*).

6.2b. Làm bài tập (mục luyện tập, trang 36 SGK)²⁹.

- GV nêu tình huống.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời nhanh, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét, đánh giá các ý kiến của HS trên cơ sở SGK và tham khảo thông tin bổ sung sau:

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT AN NINH MẠNG**Hoạt động 6.3. Tìm hiểu các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng và quyền của trẻ em trên không gian mạng**

Mục tiêu: HS hiểu rõ về các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng và quyền của trẻ em trên không gian mạng.

Cách thức tiến hành:

6.3a. Thực hiện nhiệm vụ ở Phiếu học tập 6.2³⁰.

- GV nêu câu hỏi khám phá (trang 36, 37 SGK).
- GV chia lớp thành một số nhóm và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 6.2).
- HS đọc tích cực, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và kết luận.

29. Vận dụng KTDH “Đóng vai”.

30. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”.

Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 6.2

Đọc thông tin mục II/1,2 (trang 36, 37 SGK) và thực hiện các công việc sau:

1. Lập sơ đồ tư duy về các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng; trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Các hành vi bị nghiêm cấm.
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm:
 - + Sử dụng không gian mạng
 - + Phá hoại hệ thống thông tin an ninh quốc gia
 - + Phát tán gây hại
 - + Xâm nhập trái phép
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS ghi tên và nội dung tóm tắt từng nhánh phụ*).

2. Cho thông tin sau: Trẻ em có quyền được (.....), tiếp cận thông tin, tham gia hoạt động xã hội, vui chơi, giải trí, giữ kín bí mật cá nhân, đời sống riêng tư và (.....) khi tham gia trên không gian mạng.

Hãy điền từ ngữ thích hợp vào chỗ (.....) trong câu trên để hoàn thiện quy định về quyền của trẻ em trên không gian mạng theo Luật An ninh mạng.

6.3b. Làm bài tập (mục luyện tập, trang 37 SGK)³¹

- GV nêu tình huống.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời nhanh, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét, đánh giá các ý kiến của HS trên cơ sở SGK và tham khảo thông tin bổ sung sau:
 - + Tình huống 1 (mục luyện tập, trang 37 SGK): Hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng là xâm nhập trái phép vào tài khoản mạng xã hội của người khác, phát tán, chia sẻ thông tin kích động gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự.
 - + Tình huống 2 (mục luyện tập, trang 37 SGK): Hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng là đánh bạc qua mạng internet, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

31. Vận dụng KTDH “Đóng vai”.

6.4. Tìm hiểu về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng

Mục tiêu: HS hiểu rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng và những việc HS cần làm để góp phần bảo vệ an ninh mạng

Cách thức tiến hành³²:

- GV nêu câu hỏi khám phá và câu hỏi luyện tập (trang 38 SGK).
- GV tổ chức lớp thảo luận nhóm đôi và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 6.3).
- HS đọc, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và kết luận trên cơ sở SGK và tham khảo thông tin bổ sung sau: Là HS, để góp phần bảo vệ an ninh mạng, em cần gương mẫu thực hiện Quy tắc ứng xử chung trên mạng xã hội; tham gia tuyên truyền và vận động người thân, bạn bè, thành viên cộng đồng nơi cư trú thực hiện Quy tắc ứng xử chung trên mạng xã hội;...

Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 6.3

Em hãy đọc thông tin mục II/3 (trang 38 SGK) và hoàn thành sơ đồ tư duy về trách nhiệm sử dụng không gian mạng; trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Trách nhiệm sử dụng không gian mạng
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm:
 - + Cơ quan, tổ chức, cá nhân
 - + Học sinh
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS ghi tên và nội dung tóm tắt từng nhánh phụ*).

III. BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Hoạt động 6.5. Tìm hiểu về bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng

Mục tiêu: HS hiểu rõ khái niệm thông tin cá nhân và một số biện pháp bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng

32. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”.



Cách thức tiến hành:

6.5a. Thực hiện nhiệm vụ ở Phiếu học tập 6.4³³.

- GV nêu câu hỏi khám phá (trang 38 SGK).
- GV chia lớp thành một số nhóm và giao nhiệm vụ cho nhóm (Phiếu học tập 6.4).
- HS đọc tích cực, thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và kết luận.

Lớp:.....

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP 6.4

Đọc thông tin mục II/1,2 (trang 36, 37 SGK) và lập sơ đồ tư duy về bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng; trong đó:

- Chủ đề trung tâm: Bảo mật thông tin trên không gian mạng
- Các nhánh chính nối với chủ đề trung tâm:
 - + Thông tin cá nhân
 - + Một số biện pháp bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng
- Các nhánh phụ nối với từng nhánh chính (*HS ghi tên và nội dung tóm tắt từng nhánh phụ*).

6.5b. Làm bài tập (mục luyện tập, trang 39 SGK)³⁴

- GV nêu tình huống.
- Một số HS đứng tại chỗ trả lời nhanh, không phân biệt đúng, sai.
- GV nhận xét, đánh giá các ý kiến của HS trên cơ sở SGK và tham khảo thông tin bổ sung sau:
 - + Tình huống (ý 2 mục luyện tập, trang 39 SGK): Giải thích cho bác Thanh hiểu việc lựa chọn mật khẩu tài khoản mạng xã hội là ngày sinh của bản thân là mật khẩu dễ đoán, do đó dễ bị các đối tượng xấu xâm nhập; hướng dẫn bác Thanh cách đặt mật khẩu để bác Thanh tự thực hiện đảm bảo bí mật thông tin cá nhân.

33. Vận dụng PPDH “Hợp tác” và các KTDH: “Đọc tích cực”, “Lược đồ tư duy”.

34. Vận dụng KTDH “Đóng vai”.

- + Câu hỏi (ý 3 mục luyện tập, trang 39 SGK): “Dùng mạng wifi công cộng để giao dịch tài chính với thẻ tín dụng” là hành động không dùng để bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng.

Hoạt động 6.6. Vận dụng cả bài

Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào thực tiễn.

*Cách thức tiến hành*³⁵:

- GV nêu bài tập vận dụng (trang 39 SGK).
- GV tổ chức cho HS chọn một trong hai chủ đề trong bài tập.
- HS thực hiện nhiệm vụ (ngoài thời gian học trên lớp).
- Một số HS trình bày kết quả; một số HS khác nhận xét.
- GV nhận xét các ý kiến của HS và đánh giá.

35.Vận dụng PPDH “Dự án”.



PHỤ LỤC I

BIỂU HIỆN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI PHẨM CHẤT CHỦ YẾU, NĂNG LỰC CHUNG VÀ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

I. BIỂU HIỆN VỀ PHẨM CHẤT CHỦ YẾU CỦA HS THPT

Phẩm chất	Biểu hiện
1. Yêu nước	- Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. - Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.
2. Nhân ái	- Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác. - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. - Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng. - Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. - Có ý thức học hỏi các nền văn hóa trên thế giới. - Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
3. Chăm chỉ	- Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. - Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập. - Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. - Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. - Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

Phẩm chất	Biểu hiện
4. Trung thực	- Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
5. Trách nhiệm	- Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

II. BIỂU HIỆN VỀ NĂNG LỰC CHUNG CỦA HS THPT

Năng lực chung	Biểu hiện
Năng lực tự chủ và tự học	- Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ý lại vươn lên để có lối sống tự lực. - Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật. - Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. - Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng - Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. - Biết tránh các tệ nạn xã hội. - Điều chỉnh được hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân cần cho hoạt động mới, môi trường sống mới. - Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới. - Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. - Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. - Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. - Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.

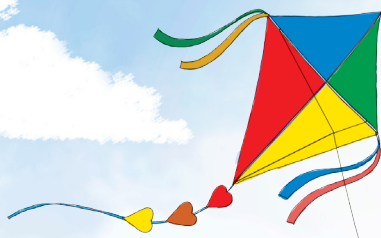
Năng lực chung	Biểu hiện
Năng lực giao tiếp và hợp tác	- Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. - Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. - Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng. - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. - Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người. - luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. - Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người. - Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. - Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn. - Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ. - Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm. - Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác. - Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm. - Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm. - Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương. - Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới. - Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống. - Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.

Năng lực chung	Biểu hiện
	– Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất. – Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp. – Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. – Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. – Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động – Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

III. BIỂU HIỆN VỀ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ MÔN GIÁO DỤC QPAN CỦA HS THPT

Năng lực đặc thù	Biểu hiện
Nhận thức các vấn đề về quốc phòng, an ninh	– Trình bày được vai trò, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước qua các thời kì lịch sử; – Nêu được quy định của pháp luật về các nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; – Phân tích và trình bày được những vấn đề cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia hiện nay; – Nêu được nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Giao thông đường bộ, Luật Bảo vệ môi trường, Luật An ninh mạng...; biết phòng chống các loại tội phạm, các tệ nạn xã hội; quy định của pháp luật về các tệ nạn xã hội và trách nhiệm của công dân trong việc phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, trong và ngoài trường học; – Trình bày được những kỹ năng cơ bản về điều lệnh đội ngũ; kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật bộ binh; cách sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn; các công cụ hỗ trợ và cách sử dụng, trường hợp sử dụng công cụ hỗ trợ; – Nêu được các nội dung phòng không nhân dân, phòng chống bom, mìn, vũ khí hóa học, sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ...; kỹ năng quan sát, nghe, phát hiện dịch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo; biết tìm và giữ phương hướng, biết lợi dụng địa hình, địa vật và vận dụng được kỹ thuật, chiến thuật cá nhân trong thực hành các kỹ năng quân sự.

Năng lực đặc thù	Biểu hiện
Vận dụng kiến thức, kĩ năng quân sự đã học vào cuộc sống	– Xác định được vai trò, vị trí, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; – Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc phù hợp với lứa tuổi; – Nhận diện được các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, tội phạm và biện pháp phòng, chống; tích cực, chủ động đấu tranh phòng, chống tội phạm; – Biết phát huy khả năng bản thân, dụng cụ, phương tiện, vật chất sẵn có để vượt qua những thử thách trong cuộc sống, sẵn sàng ứng phó với tình huống có bạo loạn, chiến tranh; – Thực hiện được những kĩ năng cơ bản về điều lệnh đội ngũ; kĩ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật bộ binh; biết sử dụng súng tiểu liên AK; biết nhìn nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo; biết tìm và giữ phương hướng, biết lợi dụng địa hình, địa vật và vận dụng được kĩ thuật, chiến thuật cá nhân trong thực hành các kĩ năng quân sự; – Thực hiện được pháp luật về trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng và chống ma túy, an ninh mạng, an ninh phi truyền thống; có kĩ năng phòng và chống thiên tai, dịch bệnh cho bản thân và cộng đồng; – Thực hiện được một số kĩ năng cơ bản về phòng không nhân dân; – Thực hiện được một số kĩ năng phòng, chống bom, mìn, vũ khí hóa học, sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ...; – Biết vận dụng kiến thức về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân trong cuộc sống.



PHỤ LỤC II

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH

I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp “Hợp tác” (P1)

a) Khái niệm

Phương pháp “Hợp tác” là tổ chức cho HS hoạt động theo những nhóm nhỏ để HS cùng thực hiện một nhiệm vụ trong một khoảng thời gian nhất định. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có sự kết hợp làm việc cá nhân với làm việc theo cặp, theo nhóm để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác.

b) Cách tiến hành

- Bước 1: Chọn nội dung và nhiệm vụ. GV cần lựa chọn nội dung và nhiệm vụ phù hợp, không quá khó và không quá dễ. Nội dung đưa ra cần phải huy động kinh nghiệm, ý kiến, công sức của nhiều HS.
- Bước 2: Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng phương pháp “Hợp tác”.
- Bước 3: Tổ chức thực hiện. GV nêu nhiệm vụ học tập hoặc vấn đề cần tìm hiểu, cần giải quyết; phân công nhóm và địa điểm, vị trí hoạt động của mỗi nhóm; giao nhiệm vụ, quy định sản phẩm và thời gian làm việc cho mỗi nhóm; hướng dẫn hoạt động của nhóm: Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, HS làm việc cá nhân, theo cặp, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả thảo luận của nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp; GV quan sát, hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; tổ chức cho HS báo cáo kết quả và đánh giá: Đại

diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm; các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận, bổ sung ý kiến; GV nhận xét và tổng kết.

c) Lưu ý

- Phương pháp “Hợp tác” đặt người học vào vị trí chủ động, tích cực trong việc tìm kiếm kiến thức; tạo điều kiện cho người học chuyển từ vị trí thụ động tiếp thu kiến thức sang chủ động tìm tòi, khám phá kiến thức; giúp mỗi thành viên trong nhóm cùng làm việc với nhau, hướng tới một mục đích học tập chung, một nhiệm vụ chung cần giải quyết.
- Phương pháp “Hợp tác” tạo sự tác động tương hỗ qua lại trực tiếp giữa các thành viên trong nhóm theo mối quan hệ hai chiều, không qua trung gian đồng thời tạo môi trường học tập thân thiện. Khi trao đổi làm việc nhóm, mỗi thành viên sẽ cảm thấy tự nhiên, thoải mái, ít áp lực hơn khi tiếp xúc với GV. Mỗi thành viên trong nhóm sẽ tự tin thể hiện, chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ của mình.
- Phương pháp “Hợp tác” đòi hỏi mỗi thành viên đều phải có ý thức trách nhiệm, tinh tổ chức và sự tự giác cao trong thực hiện nhiệm vụ, công việc chung của cả nhóm.

Như vậy, phương pháp “Hợp tác” tạo môi trường lí tưởng cho người học phát triển kĩ năng giao tiếp và hợp tác, đồng thời tạo cơ hội phát triển các năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu trong CT giáo dục phổ thông 2018.

2. Phương pháp “Phát hiện và giải quyết vấn đề” (P2)

a) Khái niệm

Phương pháp “Phát hiện và giải quyết vấn đề” là sự lĩnh hội tri thức thông qua việc xem xét, phân tích những vấn đề đang tồn tại và xác định cách thức giải quyết vấn đề.

b) Cách tiến hành

- Bước 1: Phát hiện vấn đề
- Bước 2: Giải quyết vấn đề
- Bước 3: Vận dụng

c) Lưu ý

- Nội dung học vấn được tổ chức thành các tình huống dạy học. Khi gặp tình huống dạy học, mỗi cá nhân HS sẽ xuất hiện tình huống có vấn đề, tạo ra tâm lí thôi thúc khám phá, giải quyết để thoả mãn nhu cầu nhận thức.

- HS được đặt vào tình huống gợi vấn đề chứ không phải là thông báo tri thức dưới dạng sẵn có.
- HS học tập tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo tận lực huy động tri thức và khả năng của mình để phát hiện và giải quyết vấn đề chứ không phải chỉ nghe GV giảng một cách thụ động.
- Mục tiêu dạy học không phải là làm cho HS lĩnh hội kết quả của quá trình phát hiện và giải quyết vấn đề mà còn ở chỗ làm cho HS phát triển khả năng tiến hành những quá trình như vậy..
- Phương thức học tập chủ yếu của HS là học tập bằng con đường tìm tòi, khám phá dưới hình thức hoạt động độc lập cá nhân hoặc hợp tác theo nhóm. Khi đứng trước vấn đề học tập, người học phải thực hiện các thao tác tư duy, suy luận logic để hình thành các giả thuyết. Sau đó tìm kiếm và chọn lọc các giải pháp giải quyết vấn đề nhằm chứng minh cho giả thuyết, tiếp đến là đánh giá việc sử dụng giải pháp đã lựa chọn để giải quyết vấn đề. Nếu thành công thì sẽ được ứng dụng vào giải quyết các tình huống tương tự, hoặc tình huống trong thực tiễn. Nếu không đạt hiệu quả thì lặp lại chu trình với mục đích tìm kiếm giải pháp mới.

3. Phương pháp dạy học “Tình huống”

a) Quan niệm

Tình huống dạy học là tình huống trong đó có sự ủy thác của GV. Sự ủy thác này chính là quá trình người GV đưa ra những nội dung cần truyền thụ vào trong các sự kiện tình huống và cấu trúc các sự kiện tình huống sao cho phù hợp với logic sự phạm, để khi người học giải quyết nó sẽ đạt được mục tiêu dạy học.

Phương pháp dạy học “Tình huống” là thông qua việc giải quyết những tình huống dạy học, HS có được khả năng thích ứng tốt nhất với môi trường xã hội luôn biến động.

b) Cách tiến hành

- Bước 1: Giới thiệu tình huống

Cung cấp thông tin về tình huống bằng cách GV nói/đọc trên lớp/phát tài liệu về tình huống/xem qua băng video clip....

- Bước 2: Tổ chức cho HS làm việc độc lập

Dành thời gian để từng HS đọc, tìm hiểu về tình huống. Tùy theo mục tiêu DH, độ phức tạp của tình huống và qui mô lớp học để quyết định thời gian.

GV cần đảm bảo rằng HS đã hiểu rõ về tình huống. Sau khi tìm hiểu về tình huống HS phải có khả năng miêu tả, đánh giá thông tin, tìm ra những thông tin quan trọng hoặc còn thiếu trong tình huống.

– Bước 3: Tổ chức cho HS làm việc nhóm

Chia HS thành nhóm để thảo luận tình huống. Nêu rõ nhiệm vụ của nhóm cần phải hoàn thành, thời gian và cách thức làm việc của nhóm. Nhiệm vụ của HS khi làm việc nhóm có thể xác định, miêu tả vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân cơ bản của vấn đề, các mối quan hệ giữa các vấn đề trong tình huống và đề xuất những giải pháp giải quyết vấn đề và dự đoán kết quả của các giải pháp. Khi các HS làm việc nhóm, GV cần đi đến từng nhóm để theo dõi xem các HS có đi đúng hướng, có cần giúp đỡ hay không.

– Bước 4: Tổ chức cho HS thảo luận cả lớp

Các nhóm sẽ trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. GV có thể quyết định cách trình bày phù hợp với khả năng về phương tiện vật chất, thời gian. Cả lớp sẽ thảo luận về các ý kiến đã được trình bày. Sự thành công của cuộc thảo luận mở này sẽ quyết định rất lớn thành công của phương pháp dạy học “Tình huống”.

– Bước 5. Tổng kết

Có thể yêu cầu HS tóm tắt những gì mà họ cho là những vấn đề quan trọng nhất hoặc hỏi họ đã đạt được những kinh nghiệm gì qua tình huống. GV có thể đưa ra những tóm tắt của mình về tình huống gồm những thông tin, yếu tố, những vấn đề quan trọng nhất.

c) Lưu ý

Đặc điểm của phương pháp dạy học “Tình huống” là giúp HS không phải tiếp nhận những kiến thức lí thuyết mà đi thẳng vào giải quyết những vấn đề thực tế của cuộc sống; tăng cường khả năng suy nghĩ độc lập, tiếp cận một tình huống dưới nhiều góc độ; tăng cường tính sáng tạo để tìm giải pháp cho vấn đề thực tiễn; phát triển kĩ năng xử lí thông tin (thu thập và xử lí thông tin, xác định những thông tin cơ bản, loại bỏ những thông tin không cần thiết); phát triển kĩ năng đánh giá, kĩ năng dự đoán kết quả của các giải pháp đã lựa chọn; tạo cơ hội phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác (nghe, nói, trình bày,...), năng lực giải quyết vấn đề, tính trách nhiệm, kiên nhẫn, biết lắng nghe tích cực và góp ý mang tính xây dựng,...

GV cần có chuẩn bị để thúc đẩy cuộc thảo luận chứ không chỉ đạo, áp đặt cuộc thảo luận; chuẩn bị tinh thần sẽ gặp những nhóm thiếu nhiệt tình, hoặc không sẵn sàng tham gia. Việc dự đoán các phản ứng của HS đối với tình huống sẽ giúp GV hình

dung cách thức trình bày, đưa ra những câu hỏi hướng dẫn, cung cấp thêm những thông tin bổ trợ để đảm bảo việc thảo luận thành công.

4. Phương pháp “Thực hành” (P3)

a) Khái niệm

Phương pháp “Thực hành” là phương pháp dạy học trong đó GV tổ chức cho HS trực tiếp thao tác trên đối tượng nhằm giúp HS luyện tập, hình thành kỹ năng vận dụng lý thuyết vào nội dung thực hành.

b) Cách tiến hành

- Bước 1: Giúp HS hiểu vì sao cần thực hiện kỹ năng đó như vậy, cùng với các thông tin cơ bản khác.
- Bước 2: GV hướng dẫn để HS biết trình tự các bước và cách thực hiện từng thao tác. GV có thể vừa làm mẫu với tốc độ vừa phải vừa kết hợp giải thích.
- Bước 3: Tổ chức cho HS thực hành. HS có thể thực hành cá nhân hoặc theo nhóm. GV cần tạo điều kiện để càng nhiều HS được thực hành càng tốt; cần chú ý quan sát hoạt động thực hành của HS để nhanh chóng phát hiện những khó khăn, sai sót của HS.
- Bước 4: Tổ chức cho HS báo cáo và đánh giá kết quả thực hành trước lớp.

c) Lưu ý

Phương pháp “Thực hành” tạo điều kiện cho HS được rèn luyện kỹ năng thao tác “tay chân”, qua thực hành HS nắm chắc kiến thức, rèn luyện kỹ năng học tập các môn học; giúp GV phát hiện những khó khăn, lỗ hổng kiến thức của HS để chỉ dẫn thêm hoặc giúp đỡ; tạo cơ hội hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

Nếu quy trình thao tác gồm nhiều bước thì HS cần có phiếu, sách,... để hỗ trợ việc ghi nhớ. Việc thực hành cần để HS tự thực hiện và cần được GV giám sát, hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời.

5. Phương pháp dạy học “Dự án” (P5)

a) Khái niệm

Phương pháp dạy học “Dự án” là một phương pháp dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp lý thuyết với thực hành, tự lực lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả. Hình thức làm việc chủ yếu là nhóm, kết quả dự án là những sản phẩm hành động có thể giới thiệu được.



b) Cách tiến hành

- Bước 1. Chọn chủ đề và xác định mục tiêu.

GV và HS cùng nhau đề xuất ý tưởng, xác định chủ đề và mục tiêu của dự án. Cần tạo ra một tình huống xuất phát, chứa đựng một vấn đề hoặc một nhiệm vụ cần giải quyết, trong đó có liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống.

- Bước 2. Xây dựng kế hoạch.

Trong giai đoạn này, người học dưới sự hướng dẫn của GV xây dựng kế hoạch cho việc thực hiện dự án. GV cần xác định thời gian dự kiến hoàn thành sản phẩm, phương pháp tiến hành, giao nhiệm vụ cho từng nhóm, sản phẩm cần đạt được. HS thực hiện bầu nhóm trưởng, thư kí của nhóm; Thảo luận, thống nhất xây dựng kế hoạch thực hiện, chi tiết hoá dự án của nhóm; Phân công công việc cụ thể cho từng thành viên trong nhóm.

- Bước 3. Thực hiện dự án.

GV theo dõi quá trình thực hiện của học sinh, kiểm tra tiến độ thực hiện của các nhóm, trợ giúp nhóm gặp khó khăn trong quá trình thực hiện. HS tiến hành nghiên cứu tài liệu, tìm kiếm, thu thập thông tin và xử lý thông tin; thảo luận nhóm, trao đổi và giải quyết các vấn đề gặp khó khăn; tổng hợp thông tin có sự kết nối giữa lý thuyết và thực hành, thiết kế nội dung báo cáo kết quả dự án.

- Bước 4. Trình bày sản phẩm của dự án.

GV tổ chức cho các nhóm trình bày sản phẩm, tổ chức cho HS trao đổi, đặt câu hỏi cho các nhóm; bổ sung hoặc gợi ý cho các nhóm hoàn thiện dự án. HS lựa chọn hình thức trình bày cho phù hợp với dự án của nhóm; trao đổi, thống nhất để hoàn thiện dự án; Báo cáo sản phẩm trước toàn lớp.

- Bước 5. Đánh giá dự án.

GV đưa ra các tiêu chí rõ ràng dựa trên các yếu tố: mục tiêu cần đạt của dự án, thái độ hợp tác của các thành viên trong nhóm, thời gian hoàn thành, nội dung báo cáo, hình thức, trình bày và trả lời câu hỏi của các thành viên trong nhóm; tổ chức cho HS tự đánh giá, các nhóm đánh giá lẫn nhau; tổng hợp, nhận xét và đánh giá về quá trình thực hiện, hoàn thành dự án. HS thực hiện tự đánh giá bản thân; các nhóm đánh giá lẫn nhau.

c) Lưu ý:

Đặc điểm của phương pháp dạy học “Dự án”:

- Định hướng thực tiễn: Chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp cũng như thực tiễn đời sống. Nhiệm

vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của người học.

- Có ý nghĩa thực tiễn xã hội: Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lí tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.
- Định hướng hứng thú người học: Người học được tham gia nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Hứng thú của người học còn được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.
- Tính phức hợp: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.
- Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lí thuyết và vận dụng lí thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng vốn hiểu biết lí thuyết cũng như rèn kĩ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của người học.
- Tính tự lực cao của người học: Trong DH theo dự án, người học cần tham gia tích cực và tự lực trong các giai đoạn của quá trình dạy học. GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của người học và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.
- Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. DH theo dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng, kĩ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên trong nhóm, giữa HS với GV, các lực lượng xã hội khác tham gia dự án.
- Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết mà sản phẩm này đa số là sản phẩm thực hành.

Điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học “Dự án”: Các dự án cần gắn với hoạt động thực hành, vận dụng; DH dự án đòi hỏi phải nhiều thời gian, phương tiện vật chất, thiết bị DH phù hợp; GV cần phải có sự đầu tư thời gian, trí tuệ để thiết kế các dự án học tập cho học sinh; Dự án học tập cần phù hợp với đối tượng học sinh, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh.

II. MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Kỹ thuật “Đặt câu hỏi” (K1)

Việc đặt câu hỏi cần đảm bảo những nguyên tắc sau:



- Câu hỏi phải liên kết logic với bài học.
- Ngôn ngữ trình bày câu hỏi rõ vấn đề hỏi (từ nghi vấn phù hợp).
- Phù hợp với trình độ của lứa tuổi HS.
- Kích thích HS suy nghĩ (hạn chế câu hỏi nhắc lại thuần túy).
- Đặt câu hỏi đúng lúc và đúng chỗ (đúng lúc HS đang suy nghĩ, đúng chỗ có vấn đề trong bài học).
- Mỗi câu hỏi chỉ hỏi một vấn đề.
- Dùng từng câu hỏi một, không dùng nhiều câu hỏi để hỏi cùng lúc.

2. Kỹ thuật “Đọc tích cực” (K2)

a) Trường hợp vận dụng

Kỹ thuật này nhằm giúp HS tăng cường khả năng tự học và giúp GV tiết kiệm thời gian đối với những bài học, phần đọc có nhiều nội dung nhưng không quá khó đối với HS. Kỹ thuật được áp dụng với những bài học được trình bày thành bài đọc tương đối dài.

b) Cách tiến hành

- GV nêu câu hỏi, yêu cầu định hướng HS đọc bài.
- HS làm việc cá nhân:
 - + Đoán trước khi đọc: Để làm việc này, HS cần đọc lướt qua bài đọc/ phần đọc để tìm ra những gợi ý từ hình ảnh, tựa đề, từ/ cụm từ quan trọng.
 - + Đọc và đoán nội dung: HS đọc bài/ phần đọc và biết liên tưởng tới những gì mình đã biết và đoán nội dung khi đọc những từ hay khái niệm mà các em phải tìm ra.
 - + Tìm ý chính: HS tìm ra ý chính của bài/ phần đọc qua việc tập trung vào các ý quan trọng theo cách hiểu của mình.
 - + Tóm tắt bài dựa trên ý chính, đề mục.
 - + HS chia sẻ kết quả đọc của mình theo nhóm 2, hoặc 4 và giải thích cho nhau thắc mắc (nếu có), thống nhất với nhau ý chính của bài/ phần đọc.
 - + HS nêu câu hỏi để GV giải đáp (nếu có).

c) Lưu ý

Một số câu hỏi GV thường dùng để giúp HS tóm tắt ý chính: Điểm gì cần chú ý khi đọc nội dung A, nội dung B? Nội dung A và nội dung B có gì giống và khác nhau?

3. Kỹ thuật “Động não” (K3)

a) Khái niệm

Động não (công não) là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “cơ lốc” các ý tưởng).

b) Các bước tiến hành

- Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề.
- Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau.
- Kết thúc việc đưa ra ý kiến.
- Đánh giá: Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng: Có thể ứng dụng trực tiếp; có thể ứng dụng nhưng cần nghiên cứu thêm; không có khả năng ứng dụng; đánh giá những ý kiến đó lựa chọn; rút ra kết luận hành động; ứng dụng khi nào?

c) Lưu ý

Quy tắc của động não: Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên; liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày; khuyến khích số lượng các ý tưởng; cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

Kỹ thuật trên có thể biến đổi để trở thành kỹ thuật “Động não viết”: những ý tưởng không được trình bày miệng mà được từng thành viên tham gia trình bày ý kiến bằng cách viết trên giấy về một chủ đề. Trong động não viết, các đối tác sẽ giao tiếp với nhau bằng chữ viết. Các em đặt trước mình một vài tờ giấy chung, trên đó ghi chủ đề ở dạng dòng tiêu đề hoặc ở giữa tờ giấy. Các em thay nhau ghi ra giấy những gì mình nghĩ về chủ đề đó, trong im lặng tuyệt đối. Trong khi đó, các em xem các dòng ghi của nhau và cùng lập ra một bài viết chung. Bằng cách đó có thể hình thành những câu chuyện trọn vẹn hoặc chỉ là bản thu thập các từ khóa. Các HS luyện tập có thể thực hiện các cuộc nói chuyện bằng giấy bút cả khi làm bài trong nhóm. Sản phẩm có thể có dạng lược đồ tư duy.

4. Kỹ thuật “Tia chớp” (K4)

a) Khái niệm

Kỹ thuật tia chớp là một kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó, hoặc nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng



giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng ý kiến của mình về câu hỏi hoặc tình huống có vấn đề.

b) Cách tiến hành

- Nêu câu hỏi, tình huống có vấn đề.
- Lần lượt từng người nói thật ngắn gọn và nhanh chóng ý kiến của mình;
- Thảo luận khi tất cả đã nói xong ý kiến.

5. Kỹ thuật “Chúng em biết 3” (K5)

a) Trường hợp vận dụng

Kỹ thuật này dùng trong thảo luận nhóm nhằm tập hợp những thông tin được chọn lọc từ thảo luận. Kỹ thuật này tạo cơ hội cho những HS có trình độ khá hỗ trợ HS có trình độ thấp hơn.

b) Cách tiến hành

- GV nêu chủ đề thảo luận, có thể bằng câu kể hoặc câu hỏi.
- Mỗi nhóm chia sẻ những điều các em biết rồi chọn ra 3 điều quan trọng nhất.
- Đại diện mỗi nhóm trình bày 3 điều nhóm đã chọn.

6. Kỹ thuật “XYZ” (K6)

a) Khái niệm

Kỹ thuật “XYZ” là một kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi người cần đưa ra, Z là phút dành cho mỗi người.

b) Cách tiến hành (Ví dụ kỹ thuật 635):

- Mỗi nhóm sáu người, mỗi người viết ba ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 5 phút về cách giải quyết một vấn đề và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh;
- Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác;
- Con số X-Y-Z có thể thay đổi;
- Sau khi thu thập ý kiến thì tiến hành thảo luận, đánh giá các ý kiến.

7. Kỹ thuật “Bể cá” (K7)

a) Khái niệm

Kỹ thuật “Bể cá” là kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác ngồi xung quanh ở vòng

ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về nhóm HS thảo luận.

b) Cách tiến hành

Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. HS tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là phương pháp thảo luận “bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

Một số câu hỏi dành cho những người quan sát: Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không? Họ có nói một cách dễ hiểu không? Họ có để những người khác nói hay không? Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không? Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không? Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không? Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không?

8. Kỹ thuật “Đóng vai” (K8)

a) Khái niệm

Đóng vai là kỹ thuật HS làm thử một công việc hoặc thực hiện một ứng xử trong tình huống giả định. Kỹ thuật này giúp HS suy nghĩ về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em quan sát được hoặc chính mình trải nghiệm. Đóng vai không chỉ bao gồm việc diễn mà quan trọng hơn là cuộc trao đổi sau việc diễn. Kỹ thuật này thường dùng trong những phần học về Kể chuyện, Đạo đức, phần học ứng dụng của các môn học.

b) Cách tiến hành

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: yêu cầu đóng vai cho nhóm, thời gian cho việc chuẩn bị đóng vai.
- Bước 2: Các nhóm chuẩn bị đóng vai: phần lời của từng vai cần nhớ, phần diễn của từng vai, phối hợp diễn thử các vai (GV lắng nghe, quan sát, gợi ý bằng câu hỏi).
- Bước 3: Từng nhóm trình bày đóng vai (diễn). GV theo dõi, phát hiện cách ứng xử khác.
- Bước 4: Nhận xét/ thảo luận về việc đóng vai theo các tiêu chí về lời và hành động diễn có thể hiện đúng nội dung chính của bài và gây cảm xúc tích cực

cho người xem không (Giúp HS thảo luận về ích lợi hoặc tác hại hay hạn chế của từng cách ứng xử. Sau đó tổng hợp ý kiến).

- Bước 5: Kết luận được rút ra từ nhiệm vụ đóng vai tập trung vào hiểu, vận dụng kiến thức kĩ năng mới của bài và thực tiễn.

9. Kỹ thuật “Lược đồ tư duy” (K9)

a) Khái niệm

Lược đồ tư duy³⁶ là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Lược đồ tư duy có thể được viết trên giấy, trên bản trong, trên bảng hay thực hiện trên máy tính.

b) Cách tiến hành

- Viết tên chủ đề ở trung tâm, hãy vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.
- Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng chữ in hoa. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh.
- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.
- Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

36. Còn gọi là “Bản đồ tư duy”, “Sơ đồ tư duy”,...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Lâm Viên Complex, 107A Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 024 3633 0316 | Fax: (+84) 024 3633 0316

Chi nhánh miền Trung: K46/2 Lê Đình Dương, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (+84) 023 6356 1058 | Fax: (+84) 023 6356 1058

Chi nhánh miền Nam: Lầu 3, số 79 Nguyễn Đình Chiểu, P. 6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 028 3930 2637 | Fax: (+84) 028 3930 2638
Website: sachcanhdiem.vn | Email: sachcanhdiem@vepic.edu.vn

TRUNG TÂM PHÁT HÀNH

Miền Bắc: CÔNG TY TNHH PHÁT HÀNH SÁCH CÁNH ĐIỀU

Địa chỉ: Số 50 Trung Kinh, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: Bà Trần Thị Như Hà: 098 845 5699 | Ông Đỗ Quốc Ân: 094 822 2996
Bà Lê Thị Hiền: 091 729 4989

Miền Trung: Chi nhánh CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
Địa chỉ: K46/2 Lê Đình Dương, phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: Ông Phạm Nhiêu: 090 350 1604

Miền Nam: Chi nhánh CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
Địa chỉ: Lầu 3, số 79 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: Ông Phạm Văn Hồng: 091 388 4271 | Ông Nguyễn Tuấn Kiệt: 091 818 9519
Ông Nguyễn Văn Châu: 091 388 6107 | Bà Nguyễn Thị Thu: 091 818 9516

